TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2023/DS-PT
Ngày 02-02-2023
V/v tranh chấp tài sản chung là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trung Dũng

Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Lợi – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 266/2022/TLPT-DS ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp tài sản chung là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 62/2022/DS-ST ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 234/2022/QĐ-PT ngày 14 tháng 11 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 375/2022/QĐ-PT ngày 08 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 05/2023/QĐ-PT ngày 05 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1956;

2. Bà Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1958;

Cùng địa chỉ: số A, đường N, tổ H, khu phố G, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn: Ông Huỳnh Nhâm D, sinh năm 1973; địa chỉ: số A, đường N, tổ H, khu phố G, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 15/01/2021), có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1985; địa chỉ: số B, đường N, tổ K, khu phố G, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Ngô Thị Kim Th, sinh năm 1964; địa chỉ: số J, tổ R, khu phố T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Phước, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 23/02/2021), có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1942; địa chỉ: số A, đường N, tổ H, khu phố G, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bà Đ: Ông Huỳnh Nhâm D, sinh năm 1973; địa chỉ: số A, đường N, tổ H, khu phố G, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 15/01/2021), có mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Ngọc A và bị đơn bà Nguyễn Ngọc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc A, bà Nguyễn Thị L và người đại diện hợp pháp của bà A, bà L là ông Huỳnh Nhâm D thống nhất trình bày*:

Cụ Nguyễn Thị T1 có các người con gồm: bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Ngọc A, bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Thanh S. Khi còn sống, cụ T1 là chủ sử dụng quyền sử dụng đất có diện tích 289m^2 thuộc thửa đất số 457, tờ bản đồ số 14 tại phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Năm 2009, cụ T1 chết và không để lại di chúc.

Ngày 29/7/2017, những người con của cụ T1 lập Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế tại Văn phòng Công chứng T, tỉnh Bình Dương là quyền sử dụng đất nêu trên theo diện tích đo đạc thực tế là 337,3m^2; số công chứng 4913, quyển số 07TP/CC-SCC/HĐGD. Theo nội dung thỏa thuận thì bà L được nhận 106m^2, các ông (bà) Nguyễn Thanh S, Nguyễn Ngọc A, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị L được nhận 231,1m^2.

Ngày 23/8/2017, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với phần đất có diện tích 231,1m^2 cho các đồng sở hữu là ông (bà) Nguyễn Thanh S, Nguyễn Ngọc A, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị L đối với thửa đất số 674, tờ bản đồ số 14-1 tại phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Trong diện tích đất trên có 111,6m^2 đất ở đô thị còn lại là đất trồng cây lâu năm. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thì diện tích đất ở đô thị là 70m^2. Nhưng sau đó các bên đã chuyển mục đích sử dụng đất thêm diện tích 41,6m^2 và còn nợ tiền sử dụng đất là 231.990.400 đồng.

Ngày 22/02/2020, ông Nguyễn Thanh S chết và không để lại di chúc. Do phần đất trên là tài sản chung của bà A, bà L, bà Đ và ông S. Những người còn lại có nhu cầu phân chia đất trên, nhưng người thừa kế của ông S là bà Nguyễn Ngọc T không đồng ý.

Nay nguyên đơn bà A và bà T yêu cầu chia phần đất trên thành 04 (bốn) phần

bằng nhau, bà T được hưởng 01 (một) phần, 03 (ba) phần còn lại chia cho các nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đối với tài sản trên đất các bên không có tranh chấp.

- Bị đơn bà Nguyễn Ngọc T và người đại diện hợp pháp của bà T là bà Ngô Thị Kim Th thống nhất trình bày:

Thống nhất lời trình bày của các nguyên đơn về nguồn gốc đất tranh chấp. Quyền sử dụng đất tranh chấp là tài sản chung của các bên đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho 04 (bốn) người là đồng sở hữu theo Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 29/7/2017. Ngày 22/02/2020, ông Nguyễn Thanh S chết và không để lại di chúc. Ông S có một người con duy nhất là bà Nguyễn Ngọc T (bị đơn trong vụ án).

Nay các nguyên đơn khởi kiện thì bị đơn không đồng ý. Bị đơn chỉ đồng ý chia toàn bộ diện tích đất mà cụ T1 để lại là 337,3m^2 (bao gồm cả phần đất chia cho bà L theo văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế). Đồng thời bị đơn yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết của ông Nguyễn Thanh S tại Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 29/7/2017, số công chứng 4913, quyển số 07TP/CC-SCC/HĐGD. Bị đơn cho rằng chữ ký, chữ viết, dấu vân tay là không phải của ông S. Đối tài sản trên đất thì bị đơn xác định không tranh chấp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ và người đại diện hợp pháp của bà Đ là ông Huỳnh Nhâm D trình bày:

Thống nhất theo lời trình bày cũng như yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết trên cơ sở yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 62/2022/DS-ST ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Ngọc A đối với bị đơn bà Nguyễn Ngọc T về việc "Tranh chấp tài sản chung là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất".

1.1. Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Đ và bà Nguyễn Ngọc A được quyền quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất có diện tích 231,1m^2 trong đó có 111,6m^2 đất ở đô thị còn lại là đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số 674, tờ bản đồ số 14-1 tại phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương và tiếp tục quản lý, gìn giữ di sản của cụ Nguyễn Thị T1 là 01(một) căn nhà cấp 04 trên đất có diện tích 109m^2. *(Kèm theo bản vẽ).*

1.2. Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Đ và bà Nguyễn Ngọc A phải thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với phần nợ tiền chuyển mục đích sử dụng đất theo Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 71101.2017.0013235/TB-TSDĐ ngày 26/9/2017 của Chi cục Thuế thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (diện tích nợ tiền sử dụng đất 41,6m^2).

Kiến nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương thu hồi 04 (bốn) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã cấp cho các đồng sở hữu là ông Nguyễn Thanh S, bà Nguyễn Ngọc A, bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị Đ (các số CK 179337; CK179338; CK 179339; CK 179340) số

vào sổ CS09378 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 28 tháng 3 năm 2017.

Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Đ và bà Nguyễn Ngọc A có quyền liên hệ với cơ quan quản lý đất đai để thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với quyền sử dụng đất theo trên theo quy định pháp luật.

1.3. Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Đ và bà Nguyễn Ngọc A có nghĩa vụ liên đới thanh toán phần giá trị tài sản trong khối tài sản chung là quyền sử dụng đất nêu trên cho người thừa kế của ông Nguyễn Thanh S là bà Nguyễn Ngọc T với số tiền 1.814.752.400 đồng (một tỷ tám trăm mười bốn triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn bốn trăm đồng).

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/7/2022, bị đơn bà Nguyễn Ngọc T; cùng ngày 03/8/2022, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Ngọc A và người có quyền lợi, nghĩa vụ vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Ngọc A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo.

Các đương sự tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án như sau: Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Đ và bà Nguyễn Ngọc A có nghĩa vụ liên đới thanh toán phần giá trị tài sản trong khối tài sản chung là quyền sử dụng đất cho người thừa kế của ông Nguyễn Thanh S là bà Nguyễn Ngọc T với số tiền 1.814.752.400 đồng. Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Đ và bà Nguyễn Ngọc A liên đới thanh toán giá trị kỷ phần của ông S được hưởng đối với căn nhà cấp 04 là di sản của cụ T1 cho người thừa kế của ông Nguyễn Thanh S là bà Nguyễn Ngọc T với số tiền là 36.603.562 đồng. Tổng cộng giá trị nhà, đất là 1.851.355.962 đồng.

Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Đ và bà Nguyễn Ngọc A được quyền quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất có diện tích 231,1m^2 trong đó có 111,6m^2 đất ở đô thị còn lại là đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số 674, tờ bản đồ số 14-1 tại phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương và được quyền sở hữu di sản của cụ Nguyễn Thị T1 là căn nhà cấp 04 có diện tích 109m^2.

Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Đ và bà Nguyễn Ngọc A phải thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với phần nợ tiền chuyển mục đích sử dụng đất theo Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 71101.2017.0013235/TB-TSDĐ ngày 26/9/2017 của Chi cục Thuế thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (diện tích nợ tiền sử dụng đất 41,6m^2).

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Các đương sự thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái quy định pháp luật, căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Đối với phần rút yêu cầu kháng cáo của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Ngọc A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan bà Nguyễn Thị Đ là ông Huỳnh Nhâm D đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Ngọc A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ là ông Huỳnh Nhâm D rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Ngọc A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 312 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Ngọc A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ là ông Huỳnh Nhâm D và người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Ngọc T là bà Ngô Thị Kim Th thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án như sau: Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Đ và bà Nguyễn Ngọc A có nghĩa vụ liên đới thanh toán phần giá trị tài sản trong khối tài sản chung là quyền sử dụng đất cho người thừa kế của ông Nguyễn Thanh S là bà Nguyễn Ngọc T với số tiền 1.814.752.400 đồng. Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Đ và bà Nguyễn Ngọc A liên đới thanh toán giá trị kỷ phần của ông S được hưởng đối với căn nhà cấp 04 là di sản của cụ T1 cho người thừa kế của ông Nguyễn Thanh S là bà Nguyễn Ngọc T với số tiền là 36.603.562 đồng. Tổng cộng giá trị nhà, đất là 1.851.355.962 đồng.

Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Đ và bà Nguyễn Ngọc A được quyền quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất có diện tích 231,1m^2 trong đó có 111,6m^2 đất ở đô thị còn lại là đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số 674, tờ bản đồ số 14-1 tại phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương và được quyền sở hữu di sản của cụ Nguyễn Thị T1 là căn nhà cấp 04 có diện tích 109m^2.

Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Đ và bà Nguyễn Ngọc A phải thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với phần nợ tiền chuyển mục đích sử dụng đất theo Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 71101.2017.0013235/TB-TSDĐ ngày 26/9/2017 của Chi cục Thuế thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (diện tích nợ tiền sử dụng đất 41,6m^2).

Xét thấy, thỏa thuận của các bên tại phiên tòa là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp theo quy định pháp luật. Căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, công nhận thỏa thuận của các đương sự.

[3] Từ những phân tích trên, kháng cáo của bị đơn là có căn cứ chấp nhận.

[4] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa là phù hợp.

[5] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Ngọc A tự nguyện chịu số tiền 2.399.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá, được khấu trừ vào tạm ứng đã nộp (đã thực hiện xong).

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu theo quy định theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Ngọc A và người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn án phí. Căn cứ quy định tại Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Ngọc A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Ngọc A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn án phí nên được miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm. Bị đơn bà Nguyễn Ngọc T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 147, Điều 148, Điều 157, Điều 165, Điều 300, Điều 312 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 209, 210, 216, 219, 616, 651 của Bộ luật Dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Ngọc A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ.

2. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Ngọc T.

3. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 62/2022/DS-ST ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương như sau:

3.1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

3.1.1. Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Ngọc A và bà Nguyễn Thị Đ được quyền quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất có diện tích 231,1 m^2 trong đó có 111,6m^2 đất ở đô thị còn lại là đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số 674, tờ bản đồ 14-1 tại phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương và được quyền sở hữu di sản của cụ Nguyễn Thị T1 là căn nhà cấp 04 gắn liền với diện tích đất trên có diện tích 109m^2 *(Có sơ đồ bản vẽ kèm theo)*.

Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Ngọc A và bà Nguyễn Thị Đ phải thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với phần nợ tiền chuyển mục đích sử dụng đất theo Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 71101.2017.0013235/TB-TSDĐ ngày 26/9/2017 của Chi cục Thuế thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (diện tích nợ tiền sử dụng đất là 41,6m^2).

Kiến nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương thu hồi 04 (bốn) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã cấp cho các đồng sở hữu là ông Nguyễn Thanh S, bà Nguyễn Ngọc A, bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị Đ (các số CK 179337; CK179338; CK 179339; CK 179340) số vào sổ CS09378 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 28 tháng 3 năm 2017.

Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Ngọc A và bà Nguyễn Thị Đ có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

3.1.2. Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Ngọc A và bà Nguyễn Thị Đ có nghĩa vụ liên đới thanh toán phần giá trị tài sản trong khối tài sản chung là quyền sử dụng đất cho người thừa kế của ông Nguyễn Thanh S là bà Nguyễn Ngọc T với số tiền 1.814.752.400 đồng (một tỷ tám trăm mười bốn triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn bốn trăm đồng). Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Đ và bà Nguyễn Ngọc A liên đới thanh toán giá trị kỷ phần ông Nguyễn Thanh S được hưởng đối với căn nhà cấp 04 là di sản của cụ T1 cho người thừa kế của ông Nguyễn Thanh S là bà Nguyễn Ngọc T với số tiền là 36.603.562 đồng (ba mươi sáu triệu sáu trăm lẻ ba nghìn năm trăm sáu mươi hai đồng). Tổng cộng giá trị nhà, đất là 1.851.355.962 đồng (một tỷ tám trăm năm mươi mốt triệu ba trăm năm mươi lăm nghìn chín trăm sáu mươi hai đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3.1.3. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Ngọc A tự nguyện chịu số tiền 2.399.000 đồng (hai triệu ba trăm chín mươi chín nghìn đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá, được khấu trừ vào tạm ứng đã nộp (đã thực hiện xong).

3.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Ngọc A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Ngọc Điệp được miễn án phí.

Bị đơn bà Nguyễn Ngọc T phải chịu số tiền 40.459.333 đồng (bốn mươi triệu bốn trăm năm mươi chín nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Ngọc A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Ngọc Điệp được miễn án phí.

Bị đơn bà Nguyễn Ngọc T phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000030 ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- TAND thành phố Thủ Dầu Một;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

Đinh Thị Mộng Tuyết